

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÌNH CHÁNH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TP. HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 07/2024/LĐ-ST

Ngày: 27-06-2024

V/v Tranh chấp về bồi thường,
trợ cấp khi người lao động bị
tai nạn lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.

2. Ông Lê Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án của Tòa
án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên
tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện
Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số
11/2023/TLST-LĐ ngày 25/10/2023 về việc “Tranh chấp về bồi thường, trợ cấp
khi người lao động bị tai nạn lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
250/2024/QĐXXST-LĐ ngày 04/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số
253/2024/QĐST-LĐ ngày 03/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Thanh L**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: **A đường số A KDC ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Bà **L** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S**;

Trụ sở: **1A144/1 ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **KO, CHIU-MU** – Chức danh: Tổng
Giám đốc

Địa chỉ: **A ấp A, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh**. (Ông **KO, CHIU – MU** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2023, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 03/10/2023, bản tự khai ngày 13/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn bà **Trần Thị Thanh L** trình bày:

Trong thời gian làm việc tại **Công ty TNHH S**, trên đường bà đi làm về bằng xe gắn máy có biển số 59N2-780.51 và không may bị tai nạn. Bà đã được người dân địa phương đưa đi cấp cứu ở **Bệnh viện C**. Và được điều trị trong suốt thời gian 02 năm qua 03 lần phẫu thuật và đi giám định với tỷ lệ thương tật vĩnh viễn 27%. Qua quá trình điều tra tai nạn, Công an có lập biên bản điều tra hiện trường xác định thời gian và tuyến đường bà bị tai nạn. Bà đã nộp hồ sơ vào công ty và công ty đã lập biên bản xác nhận sự việc trên là trường hợp người lao động bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý. Công ty đã làm hồ sơ tai nạn lao động và được Bảo hiểm xã hội giải quyết chi trả trong trường hợp này với số tiền là 38.976.000 (Ba mươi tám triệu, chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) vào ngày 31/05/2023. Còn về phía **Công ty TNHH S**, bà có gửi đơn lên **Phòng L1** nhờ giải quyết vấn đề trách nhiệm, nghĩa vụ bồi thường, trợ cấp cho người lao động trong trường hợp của bà nhưng kết quả sau 03 lần hòa giải không thành và không tìm được sự thỏa đáng cho cả đôi bên. Nay bà viết đơn này kính gửi lên tòa án.

Bà xác định tiền lương để làm cơ sở tính trợ cấp, bồi thường theo Hợp đồng lao động số 01072021SC/HĐLĐ là 8.000.000 đồng.

Bà đề nghị về phía **Công ty TNHH S** phải thực hiện đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động theo đúng Luật là trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp trong trường hợp của bà theo khoản 2 điều 39 của Luật vệ sinh, an toàn lao động là trợ cấp cho người lao động bị tai nạn một khoản tiền ít nhất bằng 40% mức quy định với mức khả năng suy giảm lao động tương ứng, với số tiền là 26.560.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S** vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung: Áp dụng Bộ luật lao động năm 2019 và Luật An toàn, vệ sinh lao động, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí, bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà **Trần Thị Thanh L** khởi kiện tranh chấp về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi người lao động bị tai nạn” đối với bị đơn **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S**.

Theo kết quả trả lời tại Công văn số 1287/ĐKKD-T6 ngày 06/02/2024 của Phòng đăng ký kinh doanh – **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H** thì **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S** có trụ sở tại **huyện B** và chưa đăng ký giải thể. Vì vậy, căn cứ vào điểm khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự:

- Nguyên đơn bà **Trần Thị Thanh L** có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S**: Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho người đại diện theo pháp luật của bị đơn **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S** nhưng bị đơn vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Tòa án áp dụng Bộ luật lao động năm 2019 và Luật An toàn, vệ sinh lao động để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà **L** yêu cầu bị đơn thực hiện trợ cấp cho bà (là người lao động bị tai nạn) một khoản tiền ít nhất bằng 40% mức quy định với mức khả năng suy giảm lao động tương ứng, với số tiền là 26.560.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)

[6] Còn bị đơn **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S** đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Tòa án thu thập được để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp, đã thể hiện:

[7.1] Về quá trình làm việc và thôi việc:

Theo Hợp đồng lao động thử việc ngày 11/6/2021 ký giữa bà **Trần Thị Thanh L** và **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S**, có cơ sở xác định bà **L** bắt đầu thử việc tại công ty này từ ngày 11/6/2021 đến ngày 30/6/2021.

Tiếp đến ngày 01/7/2021, giữa bà **Trần Thị Thanh L** và **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S** ký Hợp đồng lao động số 01072021SC/HĐLĐ, trong đó thỏa thuận thời hạn làm việc là 12 tháng (đến ngày 30/6/2022); bộ phận và vị trí công tác là kế toán; địa điểm làm việc là tại **A ấp A, xã P, huyện B**, với mức lương với các khoản trợ cấp là 8.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 01062022 ngày 01/6/2022 của **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S** về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà **Trần Thị Thanh L** kể từ ngày 01/6/2022.

[7.2] Về quá trình xảy ra tai nạn: Tại Biên bản điều tra tai nạn lao động số 0103/TNLD do Đoàn Điều tra Tai nạn Lao động của **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S** thực hiện ngày 15/03/2023 đối với người bị nạn là bà **Trần Thị Thanh L** thì:

“5. Thông tin về vụ tai nạn:

- Ngày, giờ xảy ra tai nạn: Vào hồi 17 giờ 40 phút, ngày 02 tháng 10 năm 2021;

- Nơi xảy ra tai nạn: **Số nhà A Ấp A, Đường V, Xã P, Huyện B, Tp .**

- Thời gian bắt đầu làm việc: 08h 00 phút

- Số giờ đã làm việc cho đến khi tai nạn xảy ra: 08 giờ 15 phút.

...

6. Diễn biến của vụ tai nạn:

Vào lúc 17h 40 phút, ngày 02 tháng 10 năm 2021 lưu thông trên **đường V** theo hướng từ công ty về phía cầu Bà **T** thì xảy ra tai nạn với xe lưu thông chiều ngược lại, đã được người dân đưa đi cấp cứu vào **bệnh viện C1**,...

7. Nguyên nhân gây ra tai nạn:

Do lái xe mô tô biển số 59D1-912.26 điều khiển lưu thông không đi đúng phần đường gây tai nạn giao thông

8. Kết luận về vụ tai nạn: Tai nạn lao động

9. Kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý:

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu thu thập được xác định

- Lái xe mô tô biển số 59D1-912.96 điều khiển lưu thông không đi đúng phần đường gây tai nạn giao thông

- Lái xe mô tô biển số 59N2-780.51 không có lỗi

Hình thức xử lý: **Công An Huyện B** đã tiến hành điều tra xử lý như sau:

...

- Gửi công văn đăng **B**, báo đăng vào ngày 13/10/2021 và ngày 22/11/2021 tìm người điều khiển, đến nay đã quá 30 ngày, nhưng đương sự **Nhan Thanh P** không đến Cơ quan Công An làm việc cũng không thông báo lý do...”

[7.3] Về quá trình điều trị thương tật:

Theo Giấy chứng nhận thương tích số 931/CN ngày 12/10/2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình thì từ ngày 02/10/2021 đến ngày 05/10/2021 bà **Trần Thị Thanh L** nhập viện để điều trị vết thương cẳng chân **T1**

Và tại Giấy chứng nhận thương tích số 141/CN ngày 21/02/2023 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình thể hiện bà **Trần Thị Thanh L** đã vào viện để điều trị thêm các lần như sau:

“- Vào viện lần 1: 15:55 ngày 03 tháng 04 năm 2022 – Ra viện lần 1: 15:00 ngày 05 tháng 04 năm 2022

- Vào viện lần 2: 16:00 ngày 23 tháng 10 năm 2022 – Ra viện lần 2: 15:00 ngày 26 tháng 10 năm 2022”

[7.4] Về tỷ lệ suy giảm khả năng lao động:

Tại Biên bản giám định y khoa (Khám giám định lần đầu) số 0073-23/GD9YK-TNLD ngày 13/04/2023 của Hội đồng Giám định Y khoa Thành phố thuộc **Sở Y tế Thành phố H** đã được xác định bà **Trần Thị Thanh L** bị

thương tật là do tai nạn lao động với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 27% (Hai mươi bảy phần trăm).

Tại Quyết định số 7922TN1L005/QĐ-BHXH ngày 24/05/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện B đã giải quyết cho bà Trần Thị Thanh L được hưởng trợ cấp tai nạn lao động một lần với tỷ lệ suy giảm khả năng lao động là 27%.

Như vậy, từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định, bà L sau khi làm việc tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S ra về thì bị tai nạn trên đường đi về và tỷ lệ suy giảm khả năng lao động của bà L là 27%.

[7.5] Về trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người lao động bị tai nạn:

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 38 Luật An toàn, vệ sinh lao động thì:

“Người sử dụng lao động có trách nhiệm đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như sau:

...

4. Bồi thường cho người lao động bị tai nạn lao động mà không hoàn toàn do lỗi của chính người này gây ra và cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp với mức như sau:

a) Ít nhất bằng 1,5 tháng tiền lương nếu bị suy giảm từ 5% đến 10% khả năng lao động; sau đó cứ tăng 1% được cộng thêm 0,4 tháng tiền lương nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 11% đến 80%;

b) Ít nhất 30 tháng tiền lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

5. Trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động mà do lỗi của chính họ gây ra một khoản tiền ít nhất bằng 40% mức quy định tại khoản 4 Điều này với mức suy giảm khả năng lao động tương ứng;”

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật An toàn, vệ sinh lao động thì: *“Trường hợp người lao động bị tai nạn khi đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở theo tuyến đường và thời gian hợp lý, nếu do lỗi của người khác gây ra hoặc không xác định được người gây ra tai nạn thì người sử dụng lao động trợ cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 5 Điều 38 của Luật này.”*

[7.6] Về tiền lương để làm cơ sở tính trợ cấp:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì : *“Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thỏa thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác”*

Theo quy định tại tại Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP 01/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ

luật Lao động tiền lương ghi trong hợp đồng lao động do người sử dụng lao động thỏa thuận với người lao động để thực hiện công việc nhất định, bao gồm tiền lương và các khoản phụ cấp được ghi trong hợp đồng lao động.

Căn cứ theo Hợp đồng lao động số 01072021SC/HĐLD thì tiền lương và các khoản phụ cấp của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S với bà L là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng)

[8] Như vậy, từ những căn cứ nêu trên, việc tính mức bồi thường thiệt hại, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động như sau:

$((8.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 1,5 \text{ tháng}) + 17\% \times (8.000.000 \text{ đồng/tháng} \times 0,4 \text{ tháng})) \times 40\% = (12.000.000 \text{ đồng} + 54.400.000 \text{ đồng}) \times 40\% = 26.560.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

[11] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 90 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 38, Điều 39 Luật An toàn, vệ sinh lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S về việc yêu cầu bồi thường, trợ cấp khi người lao động bị tai nạn.

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S có trách nhiệm trợ cấp cho bà Trần Thị Thanh L số tiền 26.560.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S không thi hành xong khoản tiền nêu

trên thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 796.800 đồng (Bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L được miễn nộp tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L và bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.



Trần Thị Hồng Cẩm